

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Đồng Thị Thường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 10 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Huy tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Huy có quan hệ không đúng đắn với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau và mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh Huy đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Thu U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 và Lê Thị Uyên N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016. Ly hôn chị Thành đề nghị Tòa án giao con Lê Thị Thu U cho chị nuôi dưỡng và giao con Lê Thị Uyên N cho anh H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thu U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho chị Hồ Thị T nuôi dưỡng, giao con chung Lê Thị Uyên N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016 cho anh Lê Văn H nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Hồ Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ **khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Hồ Thị T và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 10 năm 2013, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Thành và anh Huy đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị T và anh Lê Văn H có hai con chung là Lê Thị Thu U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 và Lê Thị Uyển N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016. Ly hôn, chị Thành có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Lê Thị Thu U cho chị nuôi dưỡng và giao con chung Lê Thị Uyển N cho anh H nuôi dưỡng, anh H không có quan điểm về con chung. Xét, các con chung Lê Thị Thu U và Lê Thị Uyển N hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh Huy không có quan điểm về việc nuôi con nhưng thực tế từ khi sống ly thân đến nay, hai con chung do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị Thành và anh H đều có công việc và thu nhập lại được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc các con, con Lê Thị Thu U có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con nên chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị T có quan điểm không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào còn anh H không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Văn H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; **khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thu U, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2013 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Thị Uyển N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hồ Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012956 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên